

NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH QUA GÓC NHÌN KINH TẾ LƯỢNG

● LÊ CÔNG TÂM

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích thực trạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của TP. Hồ Chí Minh so với các tỉnh khác trong cả nước giai đoạn 2013-2020 qua góc nhìn kinh tế lượng, từ đó đề ra biện pháp cải thiện năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của TP. Hồ Chí Minh.

Từ khóa: năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, TP. Hồ Chí Minh, kinh tế lượng.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay, Việt Nam muốn phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì phải tuân thủ các quy luật của thị trường. Trong đó, một quy luật tất yếu của thị trường là nâng cao năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp cũng như khối quản lý nhà nước. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã xây dựng hệ thống PCI nhằm đánh giá những nỗ lực cạnh tranh này.

TP. Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt; trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ; đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế. GRDP bình quân đầu người đến hết năm 2020 đạt 6.799 USD. Cơ cấu kinh tế luôn duy trì tỷ trọng hợp lý, khu vực dịch vụ thường xuyên giữ tỷ trọng lớn nhất trong GRDP, năm 2020 đạt 62,13%, vượt chỉ tiêu đề ra 56-58%, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 24,61% (wikipedia.org). Để giữ được vai trò hàng đầu trong phát triển kinh tế của quốc gia cũng như của khu vực, chính quyền TP. Hồ Chí Minh luôn chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của bộ máy hành chính các cấp nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất-kinh doanh thuận lợi, hiệu quả, đúng luật, góp phần tăng trưởng kinh tế.

Với những nỗ lực đó, chỉ số PCI của TP. Hồ Chí

Minh đã cải thiện và chuyển biến tích cực, từ vị trí thứ 16 (năm 2009) lên thứ 4 (năm 2014). Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, mặc dù năng lực cạnh tranh của TP. Hồ Chí Minh liên tục cải thiện, nhưng thứ hạng trong cả nước không ổn định, năm 2014 đứng vị trí thứ 4 nhưng đến năm 2020, TP. Hồ Chí Minh rơi xuống vị trí thứ 20 trong cả nước. Do vậy, bài nghiên cứu sẽ đưa ra cái nhìn tổng quan chỉ số PCI của TP. Hồ Chí Minh trong cả nước và đề ra biện pháp cải thiện PCI của TP. Hồ Chí Minh.

2. Dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng thông tin thứ cấp trong báo cáo PCI của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2013-2020. Nghiên cứu sử dụng phương pháp mô tả, thống kê và phương pháp so sánh... để phân tích thực trạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của TP. Hồ Chí Minh so với các tỉnh khác trong cả nước giai đoạn 2013-2020.

3. Tóm lược các nghiên cứu trước đây

Trong nghiên cứu của Du (2016) về “Đánh giá sức cạnh tranh của TP. Hồ Chí Minh và gợi ý định hướng chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn 2045”. Các tác giả đã sử dụng mô hình cạnh tranh của Porter nhằm phân tích lợi thế cạnh tranh của TP. Hồ Chí Minh và so sánh với các tỉnh, thành phố khác trong cả nước, cũng như so sánh vị thế của

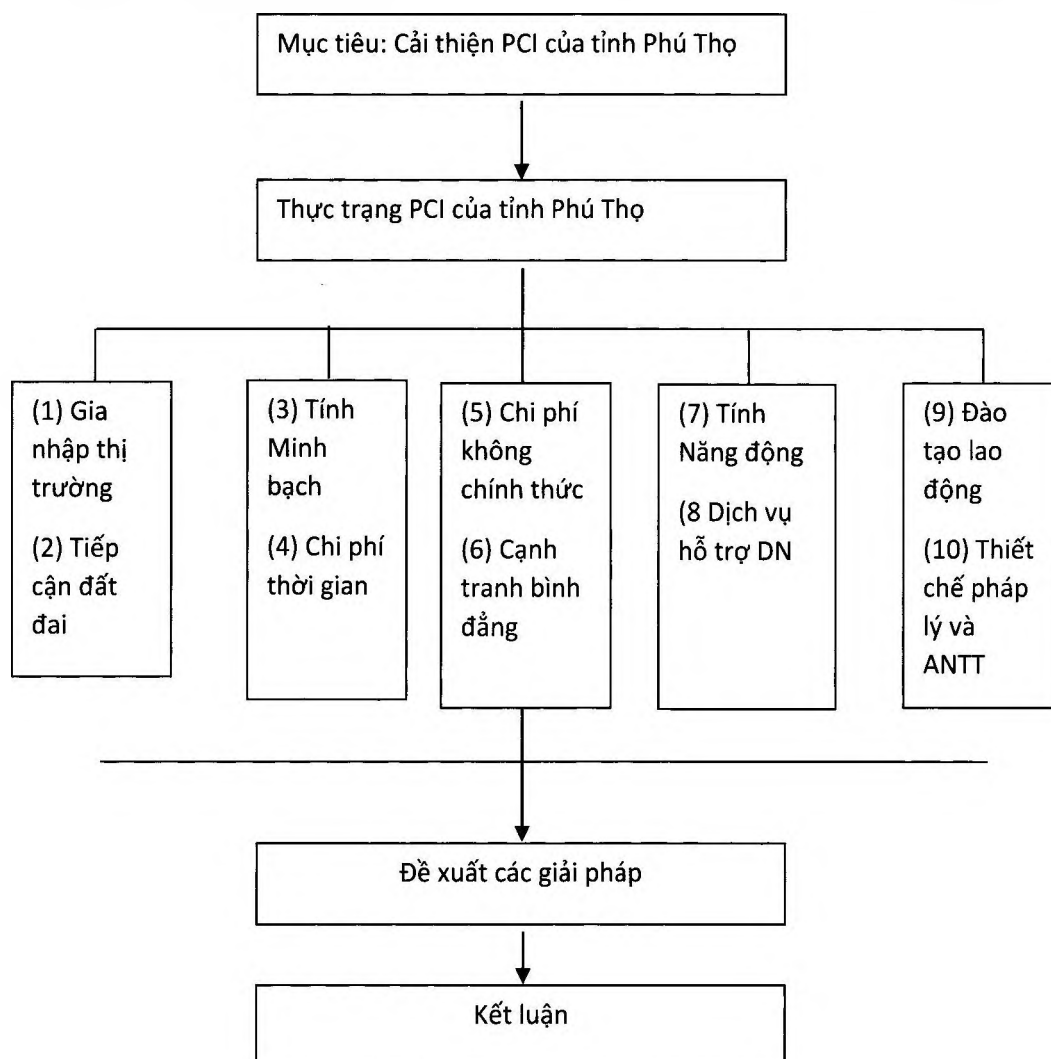
TP. Hồ Chí Minh với các thành phố khác trên thế giới. Kết quả cho thấy: không có tỉnh, thành phố nào trong cả nước có thể vượt qua TP. Hồ Chí Minh trong thời gian tới. Các tác giả cũng chỉ ra các mục tiêu mà Thành phố phải hướng đến trong tương lai, bao gồm: 1) đô thị hóa, thay đổi dân số học và tầng lớp trung lưu mới nổi; 2) gia tăng bất bình đẳng; 3) thách thức phát triển bền vững; 4) thay đổi công nghệ; 5) các cụm ngành và chuỗi giá trị toàn cầu; và 6) thay đổi trong cách thức quản trị.

Báo cáo năng lực cạnh tranh Việt Nam năm 2010 của Viện Nghiên cứu Trung ương đã mô tả chi tiết nền kinh tế Việt Nam đến hết năm 2010. Đồng thời, đưa ra cơ sở lý thuyết góp phần xây dựng năng lực cạnh tranh của Việt Nam, đây là cơ sở để xây dựng

các chính sách của Việt Nam đến gần với thực tế hơn. Việc áp dụng lý thuyết cạnh tranh của Porter vào trong nghiên cứu đã giúp Viện Nghiên cứu Trung ương hoàn thiện các cơ sở lý thuyết cũng như xây dựng các chỉ số đo lường năng lực cạnh tranh của các tỉnh, thành phố trên cả nước, là cơ sở để đánh giá tính hiệu quả trong điều hành kinh tế của khu vực.

Trong nghiên cứu của Lê Thị Thanh Thủy và cộng sự (2019) về Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Phú Thọ, các tác giả đã sử dụng các chỉ số năng lực cạnh tranh của VICC và phương pháp mô tả, so sánh giữa các tỉnh, thành phố. Từ kết quả nghiên cứu có được, các tác giả xây dựng hệ thống chính sách giúp tỉnh Phú Thọ

Hình 1: Khung phân tích năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh Phú Thọ



Nguồn: Lê Thị Thanh Thủy và các cộng sự (2019)

nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy hiệu quả phát triển kinh tế. Cụ thể: (Hình 1)

4. Khung phân tích

Theo World Economic Forum (2014), các thành phố hay vùng đô thị cần phải có khả năng cạnh tranh; hay nói cách khác cần phát triển đánh giá các khía cạnh sau: 1) thể chế, (2) chính sách và quy định về môi trường kinh doanh, (3) “kết nối cứng” và (4) “kết nối mềm”. Do vậy, để xây dựng khung phân tích năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của TP. Hồ Chí Minh, tác giả đã sử dụng 2 mô hình của Michael E. Porter và đưa ra mô hình kinh tế lượng như sau:

4.1. Mô hình kim cương của Michael E. Porter (2008)

Theo Michael E. Porter (2008), các lợi thế cạnh tranh của một địa điểm nằm ở chất lượng của môi trường nó tạo ra nhằm đạt được các mức độ cao và gia tăng của năng suất trong một ngành cụ thể nào đó. Trong nghiên cứu năm 2008, Michael E. Porter tập trung vào 4 khía cạnh của môi trường địa phương

nhằm xác định bối cảnh cho tăng trưởng, đổi mới và năng suất, gồm: 1) các điều kiện hay nhân tố đầu vào; 2) bối cảnh chiến lược và cạnh tranh của doanh nghiệp; 3) những điều kiện cầu, và 4) các ngành công nghiệp hỗ trợ và có liên quan. Đây chính là 4 đỉnh của mô hình kim cương. (Hình 2)

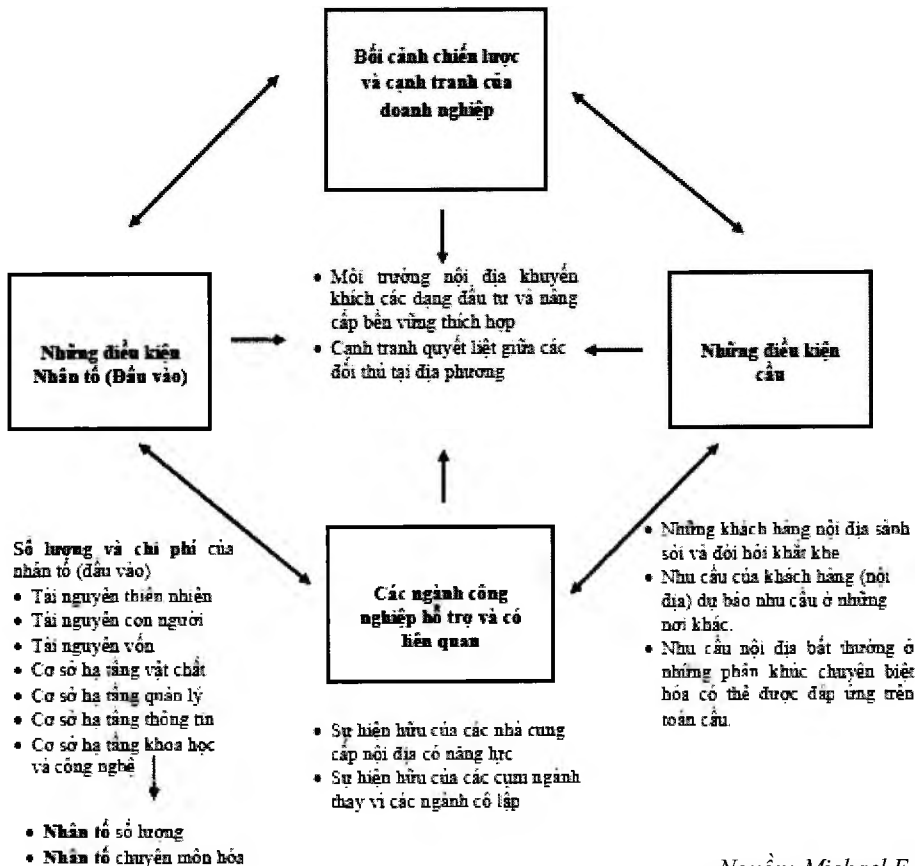
4.2. Mô hình 3 tầng của Michael E. Porter (2010)

Năm 2010, trong nghiên cứu của mình, Michael E. Porter đã chỉ ra nền tảng của năng lực cạnh tranh tại một địa phương phải được xây dựng trên cơ sở 3 lĩnh vực khác nhau, gồm: 1) năng lực cạnh tranh ở cấp độ vĩ mô hay cấp độ doanh nghiệp, 2) năng lực cạnh tranh ở cấp độ vĩ mô, và 3) các lợi thế tự nhiên (Hình 3).

4.3. Mô hình kinh tế lượng đề xuất

Dựa trên các nghiên cứu trước đó của Michael E. Porter, ngoài biến số điểm số cạnh tranh, tác giả thêm một số biến độc lập vào mô hình kinh tế lượng như sau:

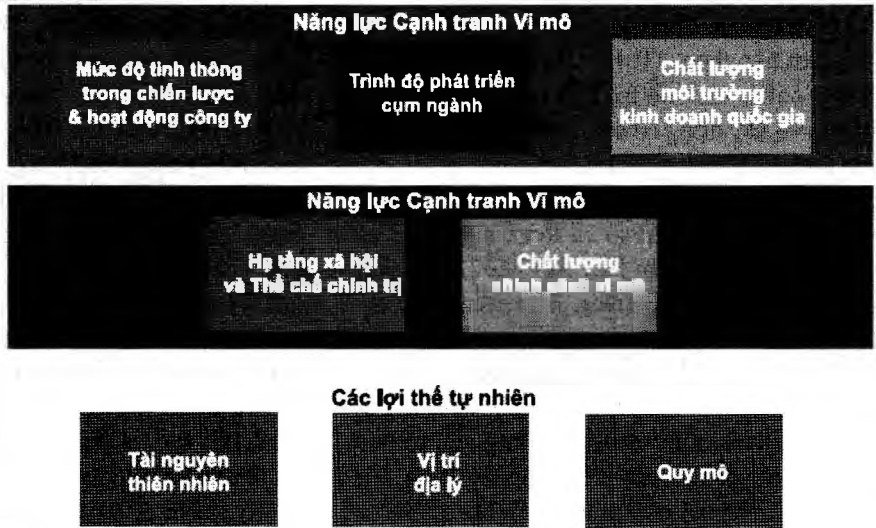
Hình 2: Mô tả mô hình kim cương về khả năng cạnh tranh



Nguồn: Michael E. Porter (2008)

Hình 3: Mô tả mô hình kim cương về khả năng cạnh tranh

CÁC NỀN TẢNG CỦA NĂNG LỰC CẠNH TRANH



Nguồn: Michael E. Porter (2010)

$$PCI = \alpha_1 \text{CSTP1} + \alpha_2 \text{CSTP2} + \alpha_3 \text{CSTP3} + \alpha_4 \text{CSTP4} + \alpha_5 \text{CSTP5} + \alpha_6 \text{CSTP6} + \alpha_7 \text{CSTP7} + \alpha_8 \text{CSTP8} + \alpha_9 \text{CSTP9} + \alpha_{10} \text{CSTP10} + \epsilon$$

Trong đó: PCI là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; CSTP1 là gia nhập thị trường; CSTP2 là tiếp cận đất đai; CSTP3 là tính minh bạch; CSTP4 là chi phí thời gian; CSTP5 là chi phí không chính thức; CSTP6 là cạnh tranh bình đẳng; CSTP7 là tính năng động; CSTP8 là dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; CSTP9 là đào tạo lao động; CSTP10 là thiết chế pháp lý và ANTT.

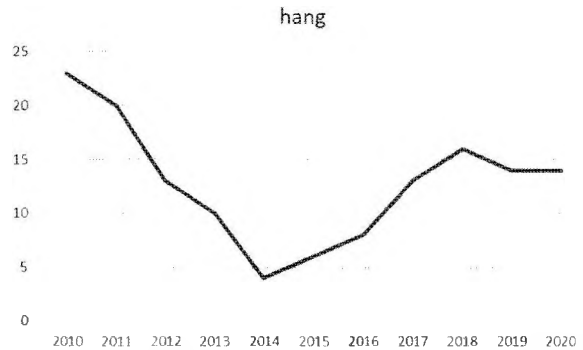
Các chỉ số này được VICC tổng hợp từ nhiều chỉ tiêu khác được xây dựng trong báo cáo chỉ tiêu PCI của VICC.

5. Kết quả phân tích

5.1. Thực trạng Chỉ số PCI tổng hợp của TP. Hồ Chí Minh

Xác định chỉ số PCI là một tiêu chí quan trọng đánh giá cao môi trường kinh doanh, chất lượng điều hành kinh tế và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền Thành phố. Do vậy, trong những năm gần đây, TP. Hồ Chí Minh đã từng bước hoàn thiện môi trường đầu tư kinh doanh thông qua việc ban hành các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển của doanh nghiệp, thực hiện nhiều giải pháp cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư; tập trung tháo gỡ khó khăn, đồng hành cùng các doanh nghiệp. Với những nỗ lực đã thực hiện, chỉ số

Biểu đồ 1: Chỉ số PCI của TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020



PCI của TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2010-2020 đã có những chuyển biến tích cực. (Biểu đồ 1)

5.1.1. Các thành tựu

Từ năm 2010 đến 2020, TP. Hồ Chí Minh đã triển khai, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp hữu hiệu nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, như:

- Ngày 28/8/2010, ban hành Quyết định số 58/2010/QĐ-UBND Về việc bãi bỏ các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện, xã - phường - thị trấn trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước;
- Năm 2012, UBND TP. Hồ Chí Minh ban hành Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn thành

phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020 với nhiều chính sách giúp giảm thiểu thời gian khi liên hệ các chính sách công trên địa bàn thành phố.

- Các năm tiếp theo, TP. Hồ Chí Minh cũng triển khai những chính sách hỗ trợ tích cực, chủ động về mặt pháp lý và xây dựng cơ sở dữ liệu,... trong nhiều năm liên tiếp.

Nhờ vậy, chỉ số PCI trong giai đoạn này được cải thiện đáng kể về điểm số và thứ hạng, từ vị trí thứ 24 năm 2010 với điểm PCI đạt 59,67, đến năm 2014 xếp thứ 4 với 62,73 (tăng 3,05 điểm và tăng 13 hạng).

Xét riêng thành phần chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp, năm 2010, TP. Hồ Chí Minh đứng đầu toàn quốc; năm 2011 chỉ số này giảm đi 1 bậc nhưng chỉ số đào tạo tăng lên đứng thứ 2 chỉ sau tỉnh Quảng Ninh. Xu hướng tích cực này đã góp phần nâng cao điểm số PCI của thành phố, là cơ sở quan trọng cho việc tăng cường thu hút đầu tư vào TP. Hồ Chí Minh và được các doanh nghiệp đánh giá tốt.

5.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, chỉ số PCI cũng cho thấy điểm số và thứ bậc của TP. Hồ Chí

Minh chưa thực sự bền vững, không bắt nhịp được với các tỉnh, thành phố trong khu vực và Việt Nam. Trong các năm gần đây, chỉ số PCI của Thành phố mặc dù liên tục tăng nhưng tốc độ không bằng các tỉnh, thành phố khác. Nhất là trong 3 năm gần đây, tốc độ tăng PCI cho thấy TP. Hồ Chí Minh luôn thấp hơn trung bình trong cả nước. Kết quả là thứ hạng trong tổng sắp PCI của TP. Hồ Chí Minh giảm mạnh, đến năm 2020 đứng tại vị trí thứ 14 trong cả nước và đứng ở vị trí thứ 5 trong 5 thành phố trực thuộc trung ương.

Trong đó, có một số chỉ số thành phần không được cải thiện qua các năm. Đặc biệt, liên tục trong 3 năm từ năm 2017 đến năm 2020, 2 thành phần giảm liên tục, là: gia nhập thị trường và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp luôn bị đánh giá thấp. Ngoài 2 chỉ số trên, năm 2020, chỉ số tính minh bạch của thành phố cũng sụt giảm. Các doanh nghiệp khó có thể tiếp cận các thông tin về đất đai, các công trình công cộng, nhất là các dự án công. Các doanh nghiệp tư nhân cho rằng chỉ hơn 50% các dự án kể trên được công khai mời thầu từ các cơ quan quản lý theo đúng qui định.

Mô hình 1: Kết quả chạy mô hình FEM

. hausman rem fem

| | Coefficients | | | |
|--------------|--------------|------------|---------------------|-----------------------------|
| | (b) rem | (B) fem | (b-B) Difference | sqrt(diag(V_b-V_B)) S.E. |
| CSTP1Gianh~g | .4930428 | .4999999 | -.0069571 | .0243379 |
| CSTP2Tiếpc~i | .5306378 | .4999999 | .0306379 | .029183 |
| CSTP3TinhM~h | 2.066137 | 2 | .0661373 | .0300995 |
| CSTP4Chiph~n | .6137337 | .5000001 | .1137336 | .0234088 |
| CSTP5Chiph~c | .9762772 | 1 | -.0237228 | .0246399 |
| CSTP6Cạnht~g | .5780265 | .4999999 | .0780266 | .0179523 |
| CSTP7Tinhn~g | .6404801 | .5 | .1404801 | .024603 |
| CSTP8Dichv~h | 1.979773 | 2 | -.0202269 | .021942 |
| CSTP9Đàotạ~g | 2.044641 | 2 | .0446415 | .0206523 |

b = consistent under Ho and Ha; obtained from xtreg

B = inconsistent under Ha, efficient under Ho; obtained from xtreg

Test: Ho: difference in coefficients not systematic

$$\begin{aligned}
 \text{chi2(9)} &= (\text{b-B})' [(\text{V}_b - \text{V}_B)^{-1}] (\text{b-B}) \\
 &= 403.84 \\
 \text{Prob} > \text{chi2} &= 0.0000
 \end{aligned}$$

Mô hình 2: Kết quả chạy mô hình FEM sau khi hiệu chỉnh các số liệu

Fixed-effects (within) regression
 Group variable: Năm

Number of obs = 484
 Number of groups = 8

R-sq:
 within = 0.9924
 between = 0.9981
 overall = 0.9950

Obs per group:
 min = 43
 avg = 60.5
 max = 63

F(9, 467) = 6800.25
 Prob > F = 0.0000

corr(u_i, Xb) = 0.4630

| Điểm số PCI | Coef. | Std. Err. | t | P> t | [95% Conf. Interval] | |
|---------------------------|-----------|-----------------------------------|--------|-------|----------------------|-----------|
| CSTP1Gianhậpthịtrường | .5702492 | .0232548 | 24.52 | 0.000 | .5245521 | .6159462 |
| CSTP2Tiếpcậndấtđại | .5650531 | .0262716 | 21.51 | 0.000 | .5134279 | .6166782 |
| CSTP3TinhMinhbạch | 2.166665 | .0282665 | 76.65 | 0.000 | 2.11112 | 2.222211 |
| CSTP4Chiphithòigian | .5957064 | .0230442 | 25.85 | 0.000 | .5504232 | .6409897 |
| CSTP5Chiphikhôngchínhthức | 1.092734 | .0224945 | 48.58 | 0.000 | 1.048531 | 1.136937 |
| CSTP6Cạnhtranhbinhđẳng | .5591533 | .0162227 | 34.47 | 0.000 | .5272748 | .5910318 |
| CSTP9Đàotạolaodộng | 2.066683 | .018201 | 113.55 | 0.000 | 2.030917 | 2.102449 |
| CSTP8DịchvụHỗtrợdoanhnhg | 1.962632 | .0209684 | 93.60 | 0.000 | 1.921428 | 2.003836 |
| CSTP10Thiếtchếpháp lýANT | .6038534 | .0196495 | 30.73 | 0.000 | .565241 | .6424657 |
| _cons | -1.573506 | .3148939 | -5.00 | 0.000 | -2.19229 | -.9547217 |
| sigma_u | .19333053 | | | | | |
| sigma_e | .25998499 | | | | | |
| rho | .35607401 | (fraction of variance due to u_i) | | | | |

Bên cạnh đó, năm 2020 cũng ghi nhận chỉ số đào tạo nguồn nhân lực của TP. Hồ Chí Minh sụt giảm. Số liệu điều tra cho thấy, chỉ có 58% lao động qua đào tạo làm việc trong các doanh nghiệp và số lao động được đào tạo chỉ chiếm 14%, trong khi đó tại các tỉnh khác con số này đạt 20%. Như vậy, TP. Hồ Chí Minh chỉ xếp trên mức trung bình của cả nước. Ngoài ra, chi phí tái đào tạo lao động tại TP. Hồ Chí Minh cũng rất thấp, chỉ đạt 5,63%, gần bằng mức trung bình cho cả nước. Chất lượng đào tạo phổ thông của thành phố cũng không cao.

5.2. Kết quả phân tích kinh tế lượng

Để xác định các tác động của các nhân tố khác lên PCI, tác giả sử dụng kỹ thuật OLS với hai mô hình, là mô hình hiệu ứng (FEM) và mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM). Sau đó, sử dụng mô hình Hausman nhằm lựa chọn xem mô hình nào tốt hơn giữa hai mô hình FEM và REM. (Mô hình 1, 2)

Nhìn vào hai mô hình 1 và 2, có thể thấy:

- Nhóm các biến không ảnh hưởng đến điểm số PCI của các tỉnh, thành phố tại Việt Nam chỉ có tính

năng động trong thị trường.

- Nhóm các yếu tố có tác động mạnh đến chỉ số PCI, gồm: Tỉnh minh bạch trong cơ quan chính phủ, Chi phí đào tạo, Chi phí không chính thức, Dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp.

- Nhóm các yếu tố ảnh hưởng không nhiều đến chỉ số PCI gồm: Gia nhập thị trường, Tiếp cận đất đai, Cạnh tranh bình đẳng, Đào tạo lao động, Thiết chế pháp lý.

Vì vậy, khi xây dựng các chính sách góp phần nâng cao hiệu quả PCI giúp nâng cao hiệu quả phục vụ nhân dân, TP. Hồ Chí Minh cần tập trung vào các yếu tố tác động mạnh đến chỉ số PCI như: Tỉnh minh bạch trong cơ quan chính phủ, Chi phí đào tạo, Chi phí không chính thức, Dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp.

6. Các chính sách

Để giúp TP. Hồ Chí Minh nâng cao thứ hạng PCI, tạo môi trường thu hút đầu tư trong và ngoài nước, là đầu tàu cho việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và khu vực trọng điểm kinh

tế miền Nam nói riêng, TP. Hồ Chí Minh cần tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong các năm tiếp theo. Trong đó, cần tập trung triển khai các giải pháp theo các nhóm chính sách thúc đẩy tăng trưởng PCI mạnh gồm các chỉ số: Tính minh bạch, đào tạo lao động, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, chi phí không chính thức, cụ thể:

Một là, các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị trên địa bàn Thành phố cần tiếp tục triển khai xây dựng Kế hoạch nâng cao tính minh bạch trong giải quyết các vấn đề hành chính công, quy hoạch sử dụng đất, các dự án công nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư. Trong đó, chú trọng việc triển khai các quy định pháp luật đến từng các bộ công chức, viên chức nhà nước. Xây dựng cơ sở dữ liệu về các thủ tục hành chính công, các quy phạm pháp luật để người dân, doanh nghiệp có thể truy cập một cách nhanh chóng và hiệu quả. Các cơ quan công quyền cần tránh tình trạng “quan chức”, hồ sơ thì “bí mật”. Đồng thời, cơ quan có thẩm quyền nên thường xuyên rà soát các hồ sơ, thủ tục hành chính, từ đó giải quyết, loại bỏ các hồ sơ và các thủ tục gây khó cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, cần có các chính sách nâng cao chất lượng giáo dục tại cấp phổ thông trung học, các chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường dạy nghề nhằm tạo ra lực lượng lao động có tay nghề cao cho nền kinh tế. Bên cạnh đó, thành phố cần không ngừng đào tạo và tái đào tạo cho cán bộ công nhân viên chức tại các cấp sao cho ngày càng chuyên nghiệp và hiện đại.

Hai là, Ủy ban nhân dân thành phố cần thúc đẩy các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi giúp các doanh nghiệp lớn có thể đầu tư vào các khu công nghiệp lớn trên địa bàn. Đồng thời, Ủy ban nhân dân thành phố cần chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tiến hành các công điện tử nhằm giúp các doanh nghiệp kịp thời giải quyết các khó khăn, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp với cơ quan công quyền.

Ba là, chi phí không chính thức, đây là rào cản lớn nhất của doanh nghiệp khi đến các cơ quan công quyền để giải quyết công việc. Các sở, ban, ngành, địa phương cần nâng cao trách nhiệm, nhận thức cho cán bộ, viên chức, đồng thời thực hiện nghiêm túc việc đánh giá mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử thành phố và tại bộ phận một cửa của các sở, ban, ngành địa phương.

Bốn là, đẩy mạnh thực hiện chính quyền điện tử tại thành phố. Thành phố cần có kế hoạch phát triển hệ thống mạng và các “mắt điện tử” nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật, giúp các doanh nghiệp thuận tiện đầu tư công nghệ cao vào thành phố. Xây dựng chính quyền “không giấy” với việc số hóa tất cả các tài liệu hợp, các văn bản pháp luật để người dân thành phố có thể truy cập một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Năm là, tăng cường tuyên truyền thực hiện cải cách môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố một cách sâu rộng để nâng cao hình ảnh, vị thế của TP. Hồ Chí Minh trong thời kỳ đổi mới. Cần triển khai tổng hợp nhiều nhiệm vụ với sự phối hợp thực hiện của nhiều sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn. Trong đó, các sở, ban, ngành, địa phương cần công khai 100% thông tin, tài liệu (trừ tài liệu mật) liên quan đến các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, các văn bản quy phạm pháp luật, các thủ tục hành chính, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng mới, các chính sách ưu đãi đầu tư của Thành phố,...

7. Kết luận

Theo Phòng Công nghiệp và Thương mại, lãnh đạo thành phố có thể thấy rõ điểm mạnh và điểm yếu của thành phố minh thông qua chỉ số PCI, đồng thời có thể hiểu tình hình môi trường đầu tư, kinh doanh của thành phố. Từ đó đưa ra các biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh của TP. Hồ Chí Minh. Những cải cách nhằm tăng cường tính minh bạch và khuyến khích các cấp lãnh đạo chính quyền năng động, hỗ trợ doanh nghiệp trong tiếp cận và sử dụng đất đai, xây dựng hệ thống thiết chế pháp lý linh hoạt đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư ...

Để nâng cao điểm số cũng như thứ bậc xếp hạng chỉ số PCI, TP. Hồ Chí Minh cần có những việc làm cụ thể, thiết thực. Lãnh đạo TP. Hồ Chí Minh nên đưa ra những chính sách, quyết định, cơ chế... đồng bộ, sẽ góp phần làm cho môi trường kinh doanh được nâng cao, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của TP. Hồ Chí Minh. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, TP. Hồ Chí Minh cần tuân thủ những quy định, đưa ra giải pháp khắc phục những khó khăn còn vướng mắc trong việc hướng dẫn thực thi các quy định của lãnh đạo cấp trên. Tiếp tục rà soát, xây dựng và hoàn thiện những khuyết thiếu trong cải cách hành chính, cung cấp thông tin minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Porter, M.E., (2000). Location, Competition, and Economic Development: Local Clusters in a Global Economy. *Economic Development Quarterly*, 14(1), 15-34.
2. GSO, (2013). *Kết quả tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012*. Hà Nội: NXB Thống kê.
3. Huỳnh Thế Du và các đồng sự, (2015). Đánh giá sức cạnh tranh của Thành phố Hồ Chí Minh và gợi ý định hướng chiến lược phát triển đến năm 2025, tầm nhìn 2045. Chương trình giảng dạy Kinh tế Đại học Fulbright, TP. Hồ Chí Minh.
4. Le Thi Thanh Thuy*, Pham Thi Thu Huong, Le Van Cuong (2019). Improving the provincial competitiveness index of Phu Tho province. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Hùng Vương*, 17(4), 51-65.
5. Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, (2014). *Báo cáo năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015*. TP. Hồ Chí Minh.
6. World Economic Forum, (2014). *The Competitiveness of Cities*. [Online] Available at http://www3.weforum.org/docs/GAC/2014/WEF_GAC_CompetitivenessOfCities_Report_2014.pdf

Ngày nhận bài: 6/4/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 6/5/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 16/5/2021

Thông tin tác giả:

ThS. LÊ CÔNG TÂM

Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh

IMPROVING THE PROVINCIAL COMPETITIVENESS INDEX OF HO CHI MINH CITY FROM AN ECONOMETRIC PERSPECTIVE

● Master. **LE CONG TAM**

Ho Chi Minh City Open University

ABSTRACT:

This paper analyzes the current situation of Ho Chi Minh City's Provincial Competitiveness Index and compares the city's competitiveness to other provinces' competitiveness over the period of 2013 – 2020 from an econometric perspective. Based on the paper's findings, some measures are proposed to improve the competitiveness of Ho Chi Minh City.

Keywords: competitiveness at province and city levels, Ho Chi Minh City, econometrics.